

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CG  
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HSST  
Ngày: 17-10-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CG – TỈNH LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Bảo.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Đoàn.

Ông Nguyễn Công Danh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CG.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CG:** Ông Nguyễn Hồng Kim – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CG, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2023/TLST - HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

**Họ và tên: Trần Hữu T, sinh năm: 1996.**

Nơi thường trú: ấp Lộc Tiền, xã Mỹ Lộc, huyện CG, tỉnh LA; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hữu Hoàng (đã chết) và bà (không rõ); Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án: ngày 22/6/2017 bị Tòa án nhân dân huyện CG xử phạt 01 (một) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 09/02/2018, chưa chấp hành phần án phí và ngày 13/01/2022 bị Toàn án nhân dân huyện CG xử phạt 01 (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/4/2023, chưa xóa án tích; Tiền sự: không; Nhân thân: ngày 16/12/2020 bị Công an xã Mỹ Lộc xử phạt hành chính với số tiền là 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” đã thi hành vào ngày 17/12/2020. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1987 (có mặt).

Cư trú: ấp Lộc Trung, xã Mỹ Lộc, huyện CG, tỉnh LA.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh L tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 08/6/2023, Trần Hữu T là người đã tái phạm chưa được xóa án tích, nhờ đối tượng tên Tân không rõ lai lịch địa chỉ, điều khiển xe mô tô Wave không rõ biển số của Tân từ Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh về nhà T thuộc ấp Lộc Tiền, xã Mỹ Lộc, huyện CG, tỉnh LA. Khi về đến nhà, T kêu Tân vào nhà nghỉ ngơi và cho T mượn xe đi mua đồ thì Tân đồng ý. Sau đó, T lấy 01 cây kim và 01 cây đoản mở khóa xe bỏ vào túi quần và điều khiển xe mô tô của Tân đến nhà anh Nguyễn Ngọc L thuộc ấp Lộc Trung, xã Mỹ Lộc, huyện CG, phát hiện xe mô tô biển số 62K7-9931 của anh L đang đậu ở hiên nhà phía trước căn ló nên T đem cất giấu xe mô tô của Tân vào bụi chuối và quay lại dùng kim cắt lưới hàng rào B40, dắt xe mô tô của anh L ra ngoài và dùng đoản mở khóa, nổ máy, điều khiển xe ra đầu đường cổng chùa Thiên Mụ, cất giấu tại quán cơm ngay đầu đường. Sau đó T quay lại lấy xe mô tô của Tân đem về nhà trả cho Tân và kêu Tân lên Tp. Hồ Chí Minh trước, còn T sẽ lên sau. Khi Tân đi thì T đi bộ đến cổng chùa Thiên Mụ lấy xe mô tô vừa trộm, điều khiển lên bến xe Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, T điện thoại cho Tân nhờ Tân bán giùm xe. Một lúc sau Tân điều khiển xe mô tô chở 01 (một) thanh niên đến và mua xe của T với giá 3.000.000 đồng, số tiền bán xe T tiêu xài cá nhân.

Tại Kết L định giá tài sản số: 35/KL-HĐĐGTS ngày 12/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện CG kết L: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại nữ, màu đỏ – đen, biển số 62K7-9931, đã qua sử dụng có giá trị là 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 101/CT-VKSCG ngày 02/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CG truy tố bị cáo T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Hữu T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Ngọc L số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh L.

Bị cáo nói lời sau cùng là xin giảm nhẹ hình phạt và xin lỗi bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CG, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 08/6/2023, bị cáo T điều khiển xe mô tô của bạn là đối tượng tên Tân đến nhà anh Nguyễn Ngọc L, phát hiện nhà anh L có để một xe mô tô biển số 62K7-9931 không người trông coi, nên bị cáo dùng kim mang theo cắt lưới rào B40, rồi lén lút dắt xe mô tô ra ngoài, dùng cây đoản mở khoá nổ máy xe điều khiển đi cất giấu. Sau đó bị cáo điều khiển xe đến bến xe Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh nhờ đối tượng Tân bán giùm xe với giá 3.000.00 đồng. Theo Kết L định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS, ngày 12/6/2023 xác định giá trị tài sản là một xe mô tô bị cáo chiếm đoạt trị giá 11.500.000 đồng. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại trên 2.000.000 đồng và đến dưới 50.000.000 đồng. Nên hành vi của bị cáo cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét thấy bị cáo có hai tiền án, cụ thể: Bản án số 40/2017/HSST, ngày 22/6/2017 của TAND huyện CG xử phạt 01 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 09/02/2018, chưa được xóa án tích do chưa thi hành xong phần án phí và Bản án số 10/2022/HSST, ngày 13/01/2022 của TAND huyện CG xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/4/2023, chưa được xóa án tích. Nên lần phạm tội của này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự và thuộc trường hợp định khung tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là “*Tái phạm nguy hiểm*”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất an ninh trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm

pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý thỏa đáng mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự: không.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét về nhân thân: Quyết định số 08/QĐ-XPHC, ngày 16/12/2020 của Công an xã Mỹ Lộc về việc xử phạt hành chính với số tiền là 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Do đó xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[7] Xét thấy áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo cũng đủ răn đe, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[8] Đối với đối tượng tên Tân, theo bị cáo khai là bạn, nhưng không rõ nhân thân có hành vi cho bị cáo T mượn xe và giúp bị cáo T bán xe mô tô trộm của anh L. Bị cáo T khai là việc bị cáo mượn xe của Tân, nhưng Tân không biết bị cáo sử dụng xe đi trộm cắp tài sản và việc nhờ Tân bán xe, nhưng T cũng không nói cho Tân biết là xe mô tô do phạm tội mà có, nên hành vi của Tân không đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có*”, nên Cơ quan CSĐT không xem xét, xử lý là phù hợp. Đối với 01 (một) cây kim và 01 (một) cây đoản mở khóa xe, bị cáo T khai trên đường tàu thoát đã ném bỏ, không thu hồi được, nên không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: bị hại anh Nguyễn Ngọc L, tại phiên tòa có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 8.000.000 đồng là giá trị xe mô tô biển số 62K7-9931 không thu hồi được. Trước yêu cầu của anh L, bị cáo đồng ý, nên ghi nhận.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền còn phải bồi thường cho bị hại là 8.000.000 đồng theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Hữu T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/6/2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo T 45 ngày kể từ ngày tuyên án (17/10/2023) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Trần Hữu T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Ngọc L số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất pháp luật quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: bị cáo T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và nộp 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh LA;
- VKSND huyện CG;
- CA huyện CG;
- THADS huyện CG;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**NGUYỄN ĐỨC BẢO**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA**

**TRẦN VĂN ĐOÀN – NGUYỄN CÔNG DANH**

**NGUYỄN ĐỨC BẢO**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CG  
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*CG, ngày 17 tháng 10 năm 2023*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi **11** giờ **00** phút ngày 17 tháng 10 năm 2023.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh LA.

**Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Bảo.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Đoàn.

Ông Nguyễn Công Danh.

T hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2023/TLST-HS, ngày 02/10/2023 đối với bị cáo: Trần Hữu T.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO L, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC  
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

**1. Về tội danh:**

Bị cáo Trần Hữu T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

**2. Về Điều luật áp dụng:**

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

### **3. Về hình phạt:**

Xử phạt: Trần Hữu T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/6/2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo T 45 ngày kể từ ngày tuyên án (17/10/2023) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

### **4. Các vấn đề khác:**

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Trần Hữu T phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Ngọc L số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất pháp luật quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: bị cáo T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và nộp 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 15 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA**

**TRẦN VĂN ĐOÀN – NGUYỄN CÔNG DANH**

**NGUYỄN ĐỨC BẢO**